

Bản án số: 152/2024/HSST
Ngày 05 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trịnh Lan Anh.
- Bà Quàng Thị Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lò Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thuý Hương, ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 159/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trương Minh T; Sinh ngày 26/11/1964 tại quận TB, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: Tổ 01, ấp TP, xã LH, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Nơi tạm trú: Công ty Cổ phần Cao su Sơn La, đường Lê Duẩn, tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sơn La; Đảng phái đoàn thể là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số: 490-QĐ-ĐU ngày 15/11/2023 của Đảng ủy Tập đoàn Cao su Việt Nam. Trình độ văn hóa: Cử nhân kinh tế; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông Trương Văn C, sinh năm 1943 (Liệt sỹ) và bà Trần Thị Tt, sinh năm 1943; Bị cáo có vợ Dương Thị H, sinh năm 1967 (đã chết), vợ 2, Trần Ngọc Thuý D, sinh năm 1982 và 04 con (con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 2011); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 13/11/2023 cho đến ngày 9/4/2024 bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại cho đến nay “có mặt”.

2. Đỗ Thị D; Sinh ngày 08/01/1987, sinh tại huyện KC, tỉnh Hưng Yên. HKTT: Thôn ĐT, Đội 22, xã ĐK, huyện K C, tỉnh Hưng Yên. Nơi thường xuyên cư trú: Bản D, xã CN, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Phó trưởng Phòng tổ chức lao động tiền lương - Hành chính

Công ty Cổ phần Cao su Sơn La; Đảng phái đoàn thể, là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số: 489-QĐ-ĐU ngày 15/11/2023 của Đảng ủy Tập đoàn Cao su Việt Nam. Trình độ văn hóa: Cử nhân sư phạm tiếng anh; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông Đỗ Quang T, sinh năm 1952, con bà Vũ Thị H, sinh năm 1954; Bị cáo có chồng là Nguyễn Thế Q, sinh năm 1983 và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2023); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/11/2023, bị cáo tại ngoại cho đến nay “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Minh T:

1. Luật sư Mạc Xuân D. Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Winlegal - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội “có mặt”.

2. Luật sư Phạm Quang H. Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hưng Long - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội “có đơn xin xét xử vắng mặt gửi lời bào chữa”.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Địa chỉ: số 236, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 6, quận 3, hành phố Hồ Chí Minh. Do ông Lê Thanh H, chức vụ - Tổng Giám đốc – Là người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn. Ủy quyền cho ông Nguyễn Đức L, chức vụ - Chuyên viên ban pháp chế Tập đoàn, theo văn bản ủy quyền số 2018, ngày 01/7/2024 “có mặt”

2. Công ty Cổ phần Cao su Sơn La. Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng M - Phó tổng giám đốc phụ trách, đại diện Công ty cổ phần Cao su Sơn La “có mặt”.

3. Đoàn Thanh niên Công ty Cổ phần Cao su Sơn La. Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Do ông Cà Văn Đ – Chức vụ Ban thường vụ Đoàn thanh niên Công ty “có mặt”.

4. Bà Đinh Thị T. Địa chỉ: Phố Chùa Vua, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội “vắng mặt”.

5. Bà Trần Thanh L. Địa chỉ: Số 27, ngõ Thịnh Yên, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội “vắng mặt”.

6. Bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Số 232 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội “vắng mặt”.

7. Ông Hoàng Việt T - Giám đốc nhà máy chế biến cao su 28/10. Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La “có mặt”.

8. Ông Lò Văn C - Kế toán Nhà máy chế biến cao su 28/10. Địa chỉ: Bản PX, xã Chiềng Khoong, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La “có mặt”.

9. Bà Đỗ Thị Mai L - Trưởng Bộ phận kiểm phẩm Công ty Cổ phần Cao su Sơn La. Địa chỉ: Bản BM, xã Bó Mười, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La “có mặt”.

10. Ông Lò Văn P - Kế toán Nông trường Cao su Châu Quỳnh. Địa chỉ: Bản K, xã CB, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La “có mặt”.

11. Bà Trần Ngọc Thuỳ D. Sinh ngày 11/6/1982. Địa chỉ: Ấp TP, xã L H, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Cao su Sơn La là đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, được thành lập ngày 04/7/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số: 24.03.000138 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, vốn điều lệ 200 tỉ đồng. Theo báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023. Tổng tài sản của Công ty Cổ phần Cao su Sơn La là 1.196,812 tỉ đồng. Trong đó, vốn góp của các cổ đông (vốn điều lệ) 1.038,667 tỷ đồng, gồm 04 cổ đông góp vốn:

1. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (69,03%).
2. Công ty TNHH MTV Cao su Đồng Nai (20,22%).
3. Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị (8,83%).
4. Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa (1,92%).

Tỉ lệ vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cao su Sơn La từ năm 2021 đến nay là 96,16%.

Trương Minh T được bổ nhiệm chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Sơn La từ ngày 14/5/2020 (Quyết định số 18/QĐHĐQTCSSL ngày 14/5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sơn La). Ngày 24/12/2020, được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sơn La (Quyết định số 45/QĐHĐQTCSSL ngày 24/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Sơn La). Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổ chức điều hành kế hoạch kinh doanh; kế hoạch đầu tư và các hoạt động hàng ngày; kế hoạch phối hợp kinh doanh; Quyết định các giải pháp phát triển thị trường; thực hiện việc công khai báo cáo tài chính.

Đỗ Thị Dn được bổ nhiệm Phó trưởng Phòng Tổ chức lao động tiền lương - Hành chính Công ty Cổ phần Cao su Sơn La từ ngày 26/6/2020 (theo Quyết định số 449/QĐ-SLR ngày 26/6/2020 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sơn La). Nhiệm vụ: Trực tiếp phụ trách quản lý tài sản, thiết bị văn phòng; duyệt các kế hoạch (thanh toán, tạm ứng, hoàn ứng...) về hành chính, văn phòng.

Trong các năm 2021 - 2022, Trương Minh T nhiều lần giao Đỗ Thị D lập thủ tục tạm ứng kinh phí, đưa tiền cho Tổng giám đốc đi công tác, từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng/chuyến công tác. Mỗi lần ứng tiền, T trích lại 10% tổng kinh phí tạm ứng để D mua hóa đơn hoàn thiện chứng từ với Phòng Tài chính kế toán theo kinh phí đã tạm ứng. Tổng số tiền T trích lại cho D để mua hóa đơn là 49.775.181 đồng. Trong thời gian từ tháng 5/2021 đến tháng 10/2022, Đỗ Thị D thông qua Đinh Thị T (chị con bác ruột của D), trú tại phố C V, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, nhờ T mua giúp 41 hóa đơn của 10 công ty trên địa bàn Thành phố Hà Nội (1. Công ty TNHH âm thực Thái dương, Mã số thuế (viết tắt: MST) 0105205290 (12 hóa đơn); 2. Công ty TNHH tổ chức sự kiện và dịch vụ Mạnh Lê, MST 0109963143 (03 hóa đơn); 3. Công ty TNHH TM và DV nhà hàng Huyền Anh, MST 0109990323 (02 hóa đơn); 4. Công ty TNHH DV nhà hàng và tổ chức sự kiện Dongyong, MST 0109984746 (04 hóa đơn); 5. Công ty TNHH thương mại dịch vụ phương nam HD, MST 0110022278 (01 hóa đơn); 6. Công ty TNHH đầu tư phát triển quốc tế xanh HN, MST 0110022013 (01 hóa đơn); 7. Công ty CPDV thương mại Bắc Thành, MST 0108918973 (02 hóa đơn); 8. Công ty TNHH TMDV Hoa Tường Vi, MST 0110027004 (01 hóa đơn); 9. Công ty TNHH dịch vụ nhà hàng góc phố quê hương, MST 0109990348 (08 hóa đơn); 10. Công ty TNHH dịch vụ tổ chức sự kiện và nhà hàng Hạnh Nguyên, MST 0109984168 (07 hóa đơn). D nhờ T mua với giá 500.000 đồng/01 tờ hóa đơn đối với hóa đơn ghi giá trị dưới 10.000.000 đồng và 5% giá trị ghi trên hóa đơn đối với hóa đơn ghi trên 10.000.000 đồng. Việc thanh toán tiền mua hóa đơn giữa D với T thông qua hình thức chuyển khoản, tổng số tiền D chuyển cho T mua 41 hóa đơn là 28.909.634 đồng.

Nguồn gốc 41 hóa đơn trên do Đinh Thị T mua của Trần Thanh L, sinh năm 1989, trú tại số 27, ngõ T, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với giá 300.000 đồng/01 tờ hóa đơn. L là cháu ruột và là người giới thiệu khách mua hóa đơn cho Nguyễn Thị H, sinh năm 1956, trú tại số 232 L Y, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Nguyễn Thị H là người đã mua lại 153 Công ty có sẵn đăng ký kinh doanh từ một người trên Zalo, Telegram có tên “Hương tới” (H không biết thông tin cá nhân của “Hương tới”, không nhớ số điện thoại Zalo, Telegram của người này). Sau đó, H làm thủ tục thay đổi người đại diện pháp luật của các công ty, số tài khoản giao dịch ngân hàng (gọi là “Công ty Ma”). Mục đích H mua 153 “Công ty Ma” để hoạt động in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn trên địa bàn thành phố Hà Nội (trong đó, có 10 Công ty xuất hóa đơn cho Công ty Cổ phần Cao su Sơn La) nhằm thu lợi. Thực tế, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo hóa đơn đã xuất. Mỗi hóa đơn L môi giới bán cho khách hàng, H thu của L 0,5% tổng giá trị ghi trên hóa đơn với hóa đơn viết trên 20.000.000 đồng và thu 200.000 đồng/tờ với hóa đơn viết dưới 20.000.000 đồng. Tổng giá trị ghi trên 41 hóa đơn là 616.288.030 đồng. Trong đó, 34 hóa đơn sử dụng để làm chứng từ thanh toán cho 20 chuyến công tác của Trương Minh T, tổng giá trị ghi trên hóa đơn 547.527.000 đồng; còn lại 07 hóa đơn, tổng giá trị ghi trên hóa đơn 68.761.030 đồng, D mua hộ một số người khác (01 hóa đơn mua bánh kẹo, áo đoàn, huy

hiệu đoàn cho Đoàn thanh niên; 01 hóa đơn mua Kistets covid; 01 hóa đơn cung cấp dịch vụ ăn uống mua hộ Hoàng Việt T Giám đốc Nhà máy chế biến cao su 28/10; 02 hóa đơn cuốn mô tơ vòng bi mua hộ Lò Văn C - Kế toán Nhà máy chế biến cao su 28/10; 01 hóa đơn mua cửa kính hộ Đỗ Thị Mai L - Trưởng Bộ phận kiểm phẩm KCS; 01 hóa đơn mua ghế nhựa hộ Lò Văn P- Kế toán Nông trường Châu Quỳnh) làm chứng từ thanh toán với Công ty Cổ phần Cao su Sơn La. Tổng số tiền chênh lệch sau khi sử dụng mua 41 hóa đơn, còn lại 28.656.464 đồng do D quản lý, chi tiêu sử dụng cá nhân hết.

Kết quả làm việc với Cục thuế tỉnh Sơn La xác định, 41 hoá đơn trên không có giá trị sử dụng làm chứng từ thanh toán hợp lệ đối với Công ty Cổ phần Cao su Sơn La, đồng thời, không đủ điều kiện hạch toán chi phí được trừ khi xác định chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tháng 11/2022, Công ty Cổ phần Cao su Sơn La và soát, đưa ra khỏi kê khai thuế 41 hóa đơn trên với số tiền giảm trừ đầu vào ghi trên hóa đơn 616.288.030 đồng (theo Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ điều chỉnh giảm tháng 11/2022 với Cục Thuế tỉnh Sơn La do Trương Minh T ký). Đồng thời, Công ty loại 41 hóa đơn ra khỏi chứng từ thanh toán và hạch toán, theo dõi công nợ đối với các cá nhân đã tạm ứng. Hiện tại, có 06/41 hóa đơn liên quan kế toán đã lập phiếu thu, nhập vào quỹ Công ty 56.122.030 đồng. Còn lại 35/41 hóa đơn chưa được thanh toán tạm ứng (01 hóa đơn D mua hộ Đoàn Thanh niên, 34 hóa đơn thanh toán tạm ứng đi công tác của Trương Minh T), tổng số tiền chưa hoàn tạm ứng là 560.166.000 đồng thuộc trách nhiệm cá nhân của Trương Minh T và Đỗ Thị D khi làm thủ tục tạm ứng đối với các khoản tạm ứng trên. Việc theo dõi tạm ứng được thể hiện trên hệ thống sổ quỹ tiền mặt, phần mềm kế toán, sổ ký giao nhận tiền và bảng kê công nợ của Công ty.

Tài liệu, đồ vật thu giữ:

Thu giữ của Trương Minh T 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL XPSN13 màu bạc, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax màu xanh, số máy MGDA3VN/A, đã qua sử dụng.

Thu giữ của Đỗ Thị D 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, đã qua sử dụng; 01 case máy tính màu đen, nhãn hiệu SamSung, đã qua sử dụng. Toàn bộ vật chứng được bảo quản tại Kho vật chứng Công an tỉnh Sơn La theo quy định.

Kết quả thu hồi tài sản: Gia đình các bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền ghi trên 41 hoá đơn mua bán trái phép, đang được gửi tại tài khoản tạm giữ Công an tỉnh Sơn La. Trong đó, gia đình bị cáo Trương Minh T nộp 620.000.000 đồng; bị cáo Đỗ Thị D nộp 20.000.000 đồng số tiền mua bán hóa đơn mà có.

Tại bản Cáo trạng số: 90/CT-VKS-P3 ngày 29/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Trương Minh T, bị cáo Đỗ Thị D về tội: Tội mua bán trái phép hoá đơn, theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự,

Tại phiên toà: Các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D khai nhận toàn bộ

hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng quyết định truy tố, các bị cáo không khai báo gì thêm.

Người có quyền lợi Nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Công ty Cổ phần Cao su Sơn La do ông Nguyễn Hoàng M làm đại diện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên trả lại cho Công ty 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL XPSN13 màu bạc, đã qua sử dụng; 01 case máy tính màu đen, nhãn hiệu SamSung, đã qua sử dụng, là tài sản của Công ty trang bị cho bị cáo Trương Minh T và bị cáo Đỗ Thị D để làm việc do cơ quan điều tra thu giữ. Đề nghị tuyên trả lại số tiền tạm ứng đi công tác của bị cáo Trương Minh T là 514.695.200 đồng do Công ty đã loại 41 hóa đơn ra khỏi chứng từ thanh toán và hạch toán, không thanh toán và hạch toán được theo Luật kế toán doanh nghiệp, công ty vẫn theo dõi công nợ đối với các cá nhân đã tạm ứng, trong số tiền bị cáo Trương Minh T nộp khắc phục tại cơ quan điều tra là 620.000.000 đồng và đề nghị bị cáo Đỗ Thị D phải hoàn lại số tiền tạm ứng cho Công ty là 12.639.000 đồng.

Các bị cáo Trương Minh T và bị cáo Đỗ Thị D nhất trí theo đề nghị của Công ty đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Ngọc Thuý D xác nhận bà là vợ bị cáo Trương Minh T, ngày 15/11/2023, bà đã nộp vào tài khoản tiền gửi của Cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an tỉnh Sơn La, số tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho Trương Minh T với tổng số tiền ghi trên 41 hóa đơn là 620.000.000 đồng. Nay bà chấp nhận nộp thay cho bị cáo Trương Minh T số tiền là 514.695.200 đồng nộp hoàn trả lại số tiền tạm ứng của Công ty và không yêu cầu bị cáo Trương Minh T trả lại cho bà, số tiền nộp thừa còn lại là 105.304.800 đồng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên trả lại cho bà, bị cáo Trương Minh T nhất trí với đề nghị của bà Trần Ngọc Thuý D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam do ông Nguyễn Đức L làm đại diện, Công ty Cổ phần Cao su Sơn La trực thuộc Tập đoàn, thực chất Trương Minh T đi công tác đều tạm ứng đúng theo quy định của Điều lệ Công ty, song do chỉ đạo mua hóa đơn để thanh toán tiền tạm ứng đi công tác không đúng quy định nên công ty không hạch toán và quyết toán được vẫn theo dõi công nợ, Tập đoàn chỉ đạo Công ty Cổ phần Cao Su Sơn La, xem xét lại toàn bộ chứng từ do Trương Minh T đi công tác theo Luật kế toán doanh nghiệp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đoàn Thanh niên Công ty Cổ phần Cao su Sơn La, ông Hoàng Viết T, ông Lò Văn C bà Đỗ Thị Mai L, ông Lò Văn P. Đã nộp lại số tiền tạm ứng công việc của Công ty đều không yêu cầu bị cáo Đỗ Thị D phải hoàn lại số tiền mua hóa đơn và không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D. Luận tội và đề nghị Hội

đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo: Trương Minh T, Đỗ Thị D phạm tội: Tội mua bán trái phép hoá đơn.

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm b, điểm s, điểm t, điểm v, điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Đề nghị phạt tiền bị cáo Trương Minh T 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng tiền NHNN Việt Nam).

Căn cứ khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trương Minh T. Song sau khi chấp hành xong hình phạt tiền theo quy định pháp luật đề nghị cấm bị cáo Trương Minh T không được đảm nhiệm chức vụ trong khoảng thời gian nhất định.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm b, điểm s, điểm t, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị D từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, đề nghị ấn thời gian thử thách theo quy định pháp luật tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/7/2024.

Đề nghị giao bị cáo Đỗ Thị D cho UBND phường Chiềng Ngần thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La được trực tiếp giám sát, quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự đề không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đỗ Thị D. Song sau khi chấp hành xong hình phạt tù, đề nghị cấm bị cáo Đỗ Thị D không được đảm nhiệm chức vụ trong khoảng thời gian nhất định.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị.

- Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 28.656.464 đồng do mua bán hóa đơn mà có của bị cáo Đỗ Thị D, được khấu trừ đi số tiền bị cáo Đỗ Thị D đã nộp 20.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Thị D phải nộp ngân sách Nhà nước là 8.656.464 đồng. 01 điện thoại di động Iphone 12 màu đen, màn hình có vết sọc xanh trắng, đã qua sử dụng của bị cáo Đỗ Thị D là phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo: Trương Minh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh, số máy: MGDA3VN/A, không dùng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần Cao su Sơn La:

- + 01 (Một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL XPSN13 màu bạc, đã qua sử dụng, thu giữ của Trương Minh T là tài sản của Công ty Cổ phần Cao su Sơn La.

+ 01 (Một) cây máy tính màu đen nhãn hiệu SamSung đã qua sử dụng, thu giữ của Đỗ Thị D là tài sản của Công ty Cổ phần Cao su Sơn La.

- Tuyên trả lại cho Công ty Cổ phần Cao su Sơn La số tiền 514.695.200 đồng là số tiền bị cáo Trương Minh T nộp khắc phục hậu quả tại cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Tuyên trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Ngọc Thùy D số tiền là 105.304.800 đồng, số tiền nộp thừa, nộp thay cho bị cáo Trương Minh Tuấn.

- Bị cáo Đỗ Thị D phải hoàn trả số tiền tạm ứng của Công ty Cổ phần Cao su Sơn La số tiền là 12.639.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Trương Minh T không có ý kiến tranh luận và đối đáp, nhất trí như luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo có đủ điều kiện kinh tế áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt tiền mức thấp nhất trong khung hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Đỗ Thị D trình bày lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận và đối đáp, nhất trí như luận tội của Viện kiểm sát.

Lời bào chữa của Luật sư Mặc Xuân D bào chữa cho bị cáo Trương Minh T: Nhất trí với quyết định truy tố và trình bày luận tội của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là đúng người đúng tội, không oan sai. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để nhanh chóng thu thập tài liệu, chứng cứ làm rõ bản chất vụ án, bị cáo T đã tự nguyện khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền tạm ứng cho Công ty. Trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen, giấy khen, kỷ niệm chương các cấp; Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, Bằng khen của Tổng Công ty cổ phần Cao su Việt Nam. Gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bị cáo T có bố đẻ là ông Trương Văn C là Liệt sỹ, được Hội đồng nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba và Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà Miền nam Việt Nam tặng huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Nhì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định điểm b, điểm s, điểm t, điểm v, điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Mở lượng khoan hồng, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo mức hình phạt tiền mức thấp nhất trong khung hình phạt, đề nghị miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Lời bào chữa của Luật sư Phạm Quang H thông qua bản bào chữa gửi trước cho Tòa án, bào chữa cho bị cáo Trương Minh T: Hành vi phạm tội của bị

cáo là giản đơn. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để nhanh chóng thu thập tài liệu, chứng cứ làm rõ bản chất vụ án, bị cáo T đã tự nguyện khắc phục hậu quả toàn bộ, có nhiều thành tích trong công tác, gia đình có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình để ra một bản án khoan hồng nhất, nhân đạo nhất cho bị cáo Trương Minh T.

Bị cáo Trương Minh T nhất trí với lời bào chữa người bào chữa, không bổ sung, lời nói sau cùng bị cáo có đủ điều kiện kinh tế áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt tiền mức thấp nhất trong khung hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo Đỗ Thị D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án phạt tù nhưng cho hưởng án treo, xem xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa nhất trí không có ý kiến tranh luận và đối đáp.

Ý kiến tranh luận, đối đáp của Viện kiểm sát: Hình phạt đề nghị đối với cả 02 bị cáo là đã xem xét đánh giá toàn diện tính chất, mức độ, vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Luật sư đưa ra đã được Viện kiểm sát áp dụng, có trong nội dung lời luận tội và dẫn chiếu quy định pháp luật đầy đủ, không có tranh luận và đối đáp gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong quá trình điều tra; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo Trương Minh T là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sơn La, là chủ tài khoản Công ty nhận thức được bản thân phải có trách nhiệm nộp lại hóa đơn chứng từ phát sinh thực tế trong các chuyên công tác nộp cho bộ phận kế toán làm thủ tục thanh toán, hoàn tạm ứng theo quy định nhưng đã không thực hiện mà trích lại tiền mua hóa đơn trước mỗi chuyến đi công tác từ nguồn kinh phí tạm ứng của Công ty. Giao bị cáo Đỗ Thị D - Phó trưởng phòng tổ chức lao động tiền lương - Hành chính của Công ty mua bán trái phép hóa đơn để hoàn tạm ứng với Công ty. Từ tháng 5/2021 đến tháng 10/2022, bị cáo

Trương Minh T nhiều lần giao bị cáo Đỗ Thị D lập thủ tục tạm ứng kinh phí, đưa tiền cho Tổng giám đốc đi công tác, từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng/chuyến công tác. Mỗi lần ứng tiền, T trích lại 10% tổng kinh phí tạm ứng để D mua hóa đơn không, không có dịch vụ, hàng hóa cung cấp trên thực tế để hoàn thiện chứng từ với Phòng Tài chính kế toán theo kinh phí đã tạm ứng trong mỗi chuyến đi công tác. Bị cáo Đỗ Thị D đã thông qua Đinh Thị T (chị con bác ruột của D), trú tại phố CV, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, nhờ T mua giúp 41 hóa đơn của 10 công ty trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Tổng giá trị ghi trên 41 hóa đơn là 616.288.030 đồng. Trong đó, 34 hóa đơn sử dụng để làm chứng từ thanh toán cho 20 chuyến công tác của Trương Minh T, tổng giá trị ghi trên hóa đơn 547.527.000 đồng. Còn lại 07 hóa đơn, tổng giá trị ghi trên hóa đơn 68.761.030 đồng, D mua hộ một số người khác. Tổng số tiền chênh lệch sau khi sử dụng mua 41 hóa đơn, số tiền còn lại 28.656.464 đồng do Đỗ Thị D quản lý, sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn tố giác tội phạm với nội dung: Tố giác hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật của bị cáo Trương Minh T - Bí thư đảng uỷ, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sơn La trong thời gian Trương Minh T điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Sơn La.

- Biên bản ghi lời khai của nhóm đối tượng bán hoá đơn và nhóm đối tượng nhờ Đỗ Thị D mua bán hoá đơn.

- 41 hóa đơn không có giá trị sử dụng làm chứng từ thanh toán hợp lệ theo khoản 1 Điều 4 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định việc sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp của 10 công ty trên địa bàn Thành phố Hà Nội (1. Công ty TNHH ẩm thực Thái dương, Mã số thuế (viết tắt: MST) 0105205290 (12 hóa đơn); 2. Công ty TNHH tổ chức sự kiện và dịch vụ Mạnh Lê, MST 0109963143 (03 hóa đơn); 3. Công ty TNHH TM và DV nhà hàng Huyền Anh, MST 0109990323 (02 hóa đơn); 4. Công ty TNHH DV nhà hàng và tổ chức sự kiện Dongyong, MST 0109984746 (04 hóa đơn); 5. Công ty TNHH thương mại dịch vụ phương nam HD, MST 0110022278 (01 hóa đơn); 6. Công ty TNHH đầu tư phát triển quốc tế xanh HN, MST 0110022013 (01 hóa đơn); 7. Công ty CPDV thương mại Bắc Thành, MST 0108918973 (02 hóa đơn); 8. Công ty TNHH TMDV Hoa Tường Vi, MST 0110027004 (01 hóa đơn); 9. Công ty TNHH dịch vụ nhà hàng góc phố quê hương, MST 0109990348 (08 hóa đơn); 10. Công ty TNHH dịch vụ tổ chức sự kiện và nhà hàng Hạnh Nguyên, MST 0109984168.

- Tổng hợp bảng kê, kế hoạch làm việc, danh sách hoá đơn của Công ty Cổ phần Cao su Sơn La. Tổng hợp hồ sơ chứng từ của các hoá đơn không hợp lệ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị Du tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người liên quan đến vụ án và các hóa đơn chứng từ mua bán và các

tài liệu chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Trên cơ sở đó có đủ căn cứ cơ sở kết luận các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D phạm tội: Tội mua bán trái phép hoá đơn, theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D đã mua bán trái phép hoá đơn, không có giá trị sử dụng làm chứng từ thanh toán hợp lệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung “Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Có mức khung hình phạt, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 đến 05 năm.

[4] Xét về tính chất, mức độ phạm tội vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án.

Các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước là vi phạm pháp luật. Nhưng vì đảm bảo việc thanh toán và tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về tài chính, kinh tế, trong việc quản lý hóa đơn, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, ảnh hưởng xấu trong sản xuất, kinh doanh.

Các bị cáo phạm tội trong vai trò đồng phạm, bị cáo Trương Minh T là người trực tiếp nhận tiền từ Công ty và chỉ đạo giao tiền cho bị cáo Đỗ Thị D mua hóa đơn khống, không có giá trị sử dụng làm chứng từ thanh toán hợp lệ, để bị cáo Đỗ Thị D trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Vận dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Nhân thân: Nhân thân các bị cáo đều là người có trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn am hiểu về quản lý kinh tế, nhân thân các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải. Điều tích cực hợp tác với cơ quan điều tra và cơ quan tiến hành tố tụng để nhanh chóng thu thập tài liệu, chứng cứ làm rõ bản chất vụ án, bị cáo Trương Minh T đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền thiệt hại, bị

cáo Đỗ Thị D đã tự nguyện khắc phục một phần số tiền 20.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do mua bán trái phép hóa đơn mà có. Là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s, điểm t, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Bị cáo Trương Minh T trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen, kỷ niệm chương các cấp; Kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân vận của Trưởng ban dân vận Trung ương, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Nông nghiệp và phát triển nông thôn của Bộ trưởng bộ Nông nghiệp, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, Bằng khen của Tổng Công ty cổ phần Cao su Việt Nam. Gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bị cáo Trương Minh T có bố đẻ là ông Trương Văn C là Liệt sỹ, được Hội đồng nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba và Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà Miền nam Việt Nam tặng huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Nhì là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm v, điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Minh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay chính sách pháp luật của Nhà nước đối với các tội phạm về kinh tế có xu hướng tăng cường phạt tiền để nhằm thu lại khoản tiền bị cáo đã gây thất thoát, cụ thể tại khoản 1 và khoản 2 của Điều 203 Bộ luật hình sự về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” đều có quy định phạt tiền là hình phạt chính. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo, số tiền bị cáo tạm ứng kinh phí và chi các khoản chi đúng thực tế, sử dụng đúng mục đích, bị cáo Trương Minh T không được hưởng lợi khoản tiền nào trong số tiền tạm ứng do Đỗ Thị D mua bán trái phép hóa đơn. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa, luận tội đề nghị của Kiểm sát viên, lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo, ý kiến của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đủ điều kiện về kinh tế để thi hành hình phạt tiền là hình phạt chính theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Do vậy cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo, căn cứ vào điều kiện kinh tế, nhân thân bị cáo, vai trò phạm tội. Cần áp dụng hình phạt tiền mức thấp nhất trong khung hình phạt để nộp ngân sách Nhà nước vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Nhân thân bị cáo Đỗ Thị D là phụ nữ, trong quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc, được tặng nhiều danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen của Tập đoàn, Tổng Công ty. Bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đơn yêu cầu và đề nghị xin được hưởng mức án phạt tù nhưng cho hưởng án treo có bảo lãnh của gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú. Xét lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa đề nghị lên mức án phạt tù đối với bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Đỗ Thị D không đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, nhân thân bị cáo Đỗ Thị D chưa có tiền án, tiền sự,

phạm tội lần đầu thuộc trường hợp nghiêm trọng. Ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội chấp hành đúng chính sách pháp luật, nội quy, quy chế của Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Có nơi thường trú rõ ràng xét thấy không cần cách ly bị cáo, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú của bị cáo phối hợp với gia đình bị cáo được trực tiếp, theo dõi, giám sát, quản lý, giáo dục bị cáo, vận dụng khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ Luật Hình sự. Cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, còn có thể bị phạt tiền và khoản 3 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Thị D. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trương Minh T còn phải thực hiện trách nhiệm áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, bị cáo Đỗ Thị D hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có kinh tế thu nhập không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; Song sau khi chấp hành án cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ trong thời gian nhất định đối với các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D.

[7] Đối với các đối tượng khác liên quan đến vụ án.

Nhóm đối tượng bán trái phép hóa đơn: Đối với Đinh Thị T, Trần Thanh Nguyễn Thị H đã bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử về tội In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn theo Điều 203 Bộ Luật Hình sự (Bản án Hình sự sơ thẩm số: 24/2024/HSST ngày 30/01/2024, án đã có hiệu lực pháp luật).

Nhóm đối tượng nhờ Đỗ Thị D mua hóa đơn không: Đối với Hoàng Viết T, Lò Văn C, Lò Văn P, Đỗ Thị Mai L nhờ Đỗ Thị D mua đều là hóa đơn không của các “Công ty ma” xuất bán (không có dịch vụ, hàng hóa kèm theo). Tuy nhiên, nội dung ghi trên hóa đơn có phát sinh thực tế; sau khi phát hiện không hợp lệ, Công ty Cổ phần Cao su Sơn La đưa ra khỏi chứng từ thanh toán, thông báo và hạch toán công nợ với các cá nhân có liên quan. T, C, P L đã sử dụng tiền cá nhân nộp lại cho công ty. Hành vi trên có dấu hiệu tội Mua, bán trái phép hóa đơn nhưng số lượng từng cá nhân nhờ Dn mua đều dưới 10 tờ hóa đơn đã ghi nội dung, không đủ xem xét trách nhiệm theo Điều 203 Bộ luật Hình sự. Ngày 10/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh có Công văn số 733/CSKT đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý hành chính theo quy định pháp luật là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty Cổ phần Cao su Sơn La đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên trả lại số tiền bị cáo Trương Minh T tạm ứng của Công ty đi công tác cho đến nay chưa được hoàn lại chứng từ thanh toán, không quyết toán, thanh toán được thông báo và hạch toán công nợ và số tiền bị cáo Đỗ Thị D tạm ứng Công ty yêu cầu hoàn

trả lại Công ty đều là tiền chi hoạt động thường xuyên của Công ty. Nay xét thấy cần được tuyên trả lại cho Công ty cổ phần Cao su Sơn La số tiền 514.695.200 đồng do gia đình bị cáo Trương Minh T nộp tự nguyện bồi thường. Xét đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Ngọc Thùy D là vợ bị cáo đã nộp cho bị cáo Trương Minh T để bồi thường khắc phục hậu quả cho bị cáo số tiền 620.000.000 đồng trong tổng số tiền ghi trên 41 hóa đơn, nay không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả bị cáo nhất trí xét thấy cần chấp nhận và yêu cầu đề nghị trả lại cho bà số tiền còn thừa đã nộp khắc phục hậu quả cần chấp nhận. Áp dụng, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 579 Bộ luật Dân sự.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 28.656.464 đồng là số tiền bị cáo Đỗ Thị D thu lời bất chính từ việc mua bán trái phép 41 hóa đơn mà có, cần tuyên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ đi số tiền 20.0000.0000 đồng bị cáo nộp, còn phải truy thu tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước tiếp số tiền thu lợi bất chính mà có là 8.656.464 đồng của bị cáo Đỗ Thị D.

Đối với 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL XPSN13 màu bạc, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Trương Minh T và 01 chiếc máy tính màu đen nhãn hiệu Samsung đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Đỗ Thị D xét thấy là tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần Cao su Sơn La giao cho các bị cáo thực hiện nhiệm vụ. Các bị cáo không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của Công ty Cổ phần Cao su Sơn La tuyên trả lại cho Công ty Cổ phần Cao Su Sơn La.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax màu xanh, số máy: MGDA3VN/A thu giữ của Trương Minh T không liên quan đến vụ án, xét thấy cần tuyên trả lại cho bị cáo Trương Minh T.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 12 màu đen, màn hình có vết sọc xanh trắng đã qua sử dụng thu giữ của Đỗ Thị D, xét thấy là phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, vận dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trương Minh T, bị cáo Đỗ Thị D phạm tội: Tội mua bán trái phép hoá đơn.

1. Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm b, điểm s, điểm t, điểm v, điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Phạt tiền bị cáo Trương Minh T 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền NHNN Việt Nam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trương Minh T được quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo Trương Minh T đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong án phạt tiền.

2. Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm b, điểm s, điểm t, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị D 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/7/2024.

Giao bị cáo Đỗ Thị D cho Ủy ban nhân dân phường Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Được trực tiếp quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, quản lý, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 203 và khoản 3 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo Đỗ Thị D đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày chấp hành xong án phạt tù.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 3 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 579 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Ngọc Thùy D đại diện gia đình bị cáo Trương Minh T tự nguyện nộp tiền bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo Trương Minh T phải hoàn trả lại số tiền nộp bồi thường khắc phục hậu quả là 514.695.200 đồng (năm trăm mười bốn triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng chẵn).

Tuyên trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Ngọc Thùy D số tiền nộp thừa thay cho bị cáo Trương Minh T số tiền là 105.304.800 đồng (một trăm linh năm triệu ba trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng chẵn), theo ủy nhiệm chi số 285 ngày 05/6/2004 của Công an tỉnh Sơn La

vào tài khoản số 3949.0.1054135 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Tuyên trả lại cho Công ty Cổ phần Cao su Sơn La số tiền 514.695.200 đồng (năm trăm mười bốn triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm đồng chẵn) là số tiền bị cáo Trương Minh T nộp khắc phục hậu quả tại cơ quan Cảnh sát điều tra, theo ủy nhiệm chi số 285 ngày 05/6/2004 của Công an tỉnh Sơn La vào tài khoản số 3949.0.1054135 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Bị cáo Đỗ Thị D phải hoàn trả số tiền tạm ứng của Công ty Cổ phần Cao su Sơn La số tiền là 12.639.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn).

4. Về vật chứng: Căn cứ khoản điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b khoản 2, điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu, sung quỹ nộp ngân sách Nhà nước số tiền 28.656.464 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi tư đồng chẵn) của bị cáo Đỗ Thị D là tiền mua bán trái phép hóa đơn mà có. Được khấu trừ đi số tiền bị cáo Đỗ Thị D đã nộp khắc phục hậu quả là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn) theo ủy nhiệm chi số 285 ngày 05/6/2004 của Công an tỉnh Sơn La vào tài khoản số 3949.0.1054135 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Tuyên truy thu của bị cáo Đỗ Thị Duyên nộp vào ngân sách nhà nước tiếp số tiền thu lời bất chính là 8.656.464 đồng (tám triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi tư đồng chẵn). 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12 thu giữ của bị cáo Đỗ Thị D (MK: 1605)" (đã được niêm phong trong phong bì niêm phong 01 điện thoại di động Iphone 12 màu đen, màn hình có vết sọc xanh trắng, đã qua sử dụng).

Tuyên trả lại cho bị cáo Trương Minh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu xanh, số máy: MGDA3VN/A, thu giữ của Trương Minh T đã qua sử dụng (đã được niêm phong).

Tuyên trả lại cho Công ty Cổ phần Cao su Sơn La:

- 01 (Một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL XPSN13 màu bạc, đã qua sử dụng, thu giữ của Trương Minh T (Chiếc máy tính đã được niêm phong tại các vị trí nút nguồn khởi động, góc cạnh, các điểm liên kết, cổng liên kết máy tính với các thiết bị ngoại vi bằng giấy niêm phong số 095821, 095822, 095823 của Công an tỉnh Sơn La, trên giấy niêm phong có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Sơn La kèm theo chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia và bị cáo Trương Minh T).

- 01 (Một) cây máy tính màu đen nhãn hiệu SamSung đã qua sử dụng, thu giữ của Đỗ Thị D (Cây máy tính đã được niêm phong tại nút nguồn khởi động, góc cạnh, các điểm liên kết, cổng liên kết máy tính với các thiết bị ngoại vi bằng giấy niêm phong số 082878, 082879, 082880 của Công an tỉnh Sơn La, trên giấy niêm phong có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra -

Công an tỉnh Sơn La kèm theo chữ ký, họ tên của các thành phần tham gia niêm phong và bị cáo Đỗ Thị Duyên).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Sơn La và Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trương Minh T và Đỗ Thị D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo Trương Minh T, Đỗ Thị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/7/2024).

Báo cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC0 - Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- UBND các xã/phường nơi bị cáo thường trú
- Bị cáo; Luật sư;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

